

# HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

PGS, TS. NGUYỄN VIỆT THÁO<sup>1)</sup>

**Tóm tắt:** Nghiên cứu về hệ thống chính trị Việt Nam có ý nghĩa quan trọng trong mối quan hệ giữa đổi mới chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế. Bài viết tiếp tục chỉ ra những đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam; đánh giá những thành tựu và hạn chế về hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam trong thời kì đổi mới; đồng thời, nhấn mạnh đến những định hướng trong đổi mới hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** hệ thống chính trị; Việt Nam; đổi mới hệ thống chính trị

## 1. Khái quát về hệ thống chính trị và đặc điểm hệ thống chính trị Việt Nam

### - Khái quát về hệ thống chính trị

Từ khi xã hội phân chia thành giai cấp, nhà nước xuất hiện với tư cách là công cụ quyền lực của giai cấp thống trị đối với toàn xã hội; đồng thời, mối quan hệ giữa các lực lượng trong xã hội xung quanh việc giành và thực thi quyền lực chính trị ngày càng phức tạp. Trên thực tế, ở mỗi quốc gia - dân tộc và trong từng hoàn

cảnh cụ thể, đã hình thành một cấu trúc các thiết chế, cơ chế mà giai cấp thống trị và các giai cấp khác đều chấp nhận để chia sẻ, duy trì quyền lực chính trị. Cấu trúc ấy, đến thập kỉ 70 của thế kỉ XX, được nhà chính trị học Canada David Easton lần đầu tiên định danh là hệ thống chính trị (political system). Từ đó đến nay, thuật ngữ này đã được hàng loạt các học giả chính trị, như Jean William Lapierre, Gabriel Almond, Karl Deutsch, Maurice Duverger, Samuel Phillips Huntington, David Ernest Apter... bổ sung, mở rộng.

Có thể hiểu, hệ thống chính trị là một cấu trúc có tổ chức của các chủ thể nhằm thực thi

<sup>1)</sup>Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

quyền lực chính trị trong cộng đồng nhất định. Hệ thống ấy được tạo lập bởi các chủ thể, tổ chức, thiết chế, quy định, hoạt động, giá trị... cùng tương tác lẫn nhau nhằm duy trì hoặc điều chỉnh trật tự chính trị hiện tồn của xã hội. Với tư duy triết học duy vật biện chứng, cần nhìn nhận hệ thống chính trị là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng trong xã hội cụ thể, được quyết định bởi cơ sở hạ tầng. Nó bao gồm các tổ chức, các thiết chế có quan hệ với nhau về mặt mục đích, chức năng tham gia thực hiện quyền lực chính trị hoặc đưa ra các quyết định chính trị.

Có nhiều yếu tố tác động đến quá trình hình thành và hoạt động của hệ thống chính trị ở mỗi trường hợp cụ thể, trong đó có bản sắc văn hóa - lịch sử của quốc gia dân tộc; đặc điểm cuộc đấu tranh chính trị khai sinh ra chế độ xã hội; đời sống kinh tế - xã hội của đất nước; tương quan lực lượng trong đời sống chính trị quốc gia; những xu thế chính trị chung trên thế giới...

#### **- Đặc điểm hệ thống chính trị Việt Nam**

Hệ thống chính trị Việt Nam hiện thời vừa mang đặc điểm chung của hệ thống chính trị trên thế giới, vừa có đặc điểm riêng như là sản phẩm của quốc gia - dân tộc:

*Thứ nhất*, đó là sản phẩm của quá trình cách mạng từ năm 1930 đến nay. Để tổ chức thành công cuộc cách mạng đánh đổ chế độ thực dân phong kiến và xây dựng chế độ xã hội của nhân dân lao động, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo thành lập một hệ thống các lực lượng chính trị của công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, mặt trận... Từ năm 1929, Tổng Công hội Đỏ ra đời như tổ chức đầu tiên của giai cấp công nhân cách mạng. Sau đó, nhiều tổ chức nghiệp đoàn của quần chúng lao động được thành lập dưới tên gọi phổ biến là các Hội Công nhân cứu quốc. Năm 1946, Hội nghị cán bộ Công đoàn toàn quốc đã quyết định thống nhất các tổ chức Công đoàn trong cả nước và lấy tên gọi là Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Tháng 10/1930, Trung ương Đảng quyết định thành lập Hội Phụ nữ phản đế Việt Nam,

nay là Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Tổng Nông hội Đông Dương, nay là Hội Nông dân Việt Nam. Tháng 11/1930, thành lập Hội Phản đế Đồng minh, hình thức đầu tiên của Mặt trận Dân tộc Thống nhất, nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tháng 3/1931, Đảng lãnh đạo thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Việt Nam. Những tổ chức chính trị - xã hội này, cùng với Đảng và Nhà nước được định danh trong nhiều giai đoạn của sự nghiệp cách mạng là hệ thống chuyên chính vô sản; từ ngày đổi mới được thể hiện bằng thuật ngữ hệ thống chính trị.

*Thứ hai*, có tính nhất nguyên chính trị, tổ chức và tư tưởng. Chế độ chính trị Việt Nam là thể chế chính trị đảng duy nhất cầm quyền. Trong những giai đoạn lịch sử nhất định, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam còn có Đảng Dân chủ Việt Nam (1944-1988) và Đảng Xã hội Việt Nam (1946-1988). Tuy nhiên, hai đảng này được tổ chức như những đồng minh chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam, thừa nhận vai trò lãnh đạo và vị trí cầm quyền duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hệ thống chính trị ở Việt Nam là thể chế nhất nguyên chính trị, không tồn tại các đảng chính trị đối lập.

Tính chất nhất nguyên cũng được thể hiện trên phương diện tổ chức và tư tưởng. Các tổ chức thành viên của hệ thống chính trị đều do Đảng Cộng sản Việt Nam sáng lập, vừa đóng vai trò là hình thức tổ chức quyền lực của Nhân dân (Nhà nước), tổ chức tập hợp, đoàn kết Nhân dân, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân (Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội), vừa là tổ chức mà qua đó Đảng Cộng sản thực hiện sự lãnh đạo chính trị đối với xã hội. Toàn bộ hệ thống chính trị đều được tổ chức và hoạt động trên nền tảng tư tưởng là Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

*Thứ ba*, có tính thống nhất về mục tiêu, nguyên tắc tổ chức và hoạt động. Hệ thống chính trị Việt Nam bao gồm nhiều tổ chức có tính chất, vị trí, vai trò, chức năng khác nhau, nhưng có quan hệ chặt chẽ, gắn bó với nhau, tạo thành một thể thống nhất. Sự thống nhất

của các thành viên đa dạng, phong phú về tổ chức, phương thức hoạt động trong hệ thống chính trị đã tạo điều kiện để phát huy sức mạnh tổng hợp và tạo ra sự cộng hưởng sức mạnh trong toàn bộ hệ thống.

Tính thống nhất của hệ thống chính trị Việt Nam được xác định bởi các yếu tố: Sự lãnh đạo thống nhất của đảng duy nhất cầm quyền là Đảng Cộng sản; sự thống nhất về mục tiêu chính trị của toàn bộ hệ thống là “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; sự thống nhất ở nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động là tập trung dân chủ; sự thống nhất của hệ thống tổ chức ở từng cấp, từ Trung ương đến địa phương, với các bộ phận hợp thành...

*Thứ tư, gắn bó với nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.* Trong hệ thống chính trị có các tổ chức chính trị (như Đảng, Nhà nước), các tổ chức vừa có tính chính trị, vừa có tính xã hội (như Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội khác). Do vậy, hệ thống chính trị không đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội (như những lực lượng chính trị áp bức xã hội trong các xã hội có bóc lột), mà là một bộ phận của xã hội, gắn bó với xã hội. Cầu nối quan trọng giữa hệ thống chính trị với xã hội chính là Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Sự gắn bó mật thiết giữa hệ thống chính trị với nhân dân được thể hiện trên các yếu tố: Đảng Cộng sản Việt Nam đại biểu cho lợi ích của nhân dân lao động và toàn dân tộc; Nhà nước Việt Nam là nhà nước của dân, do dân và vì dân; Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội là hình thức tập hợp, tổ chức của chính các tầng lớp nhân dân; mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị là một phương thức thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

*Thứ năm, kết hợp giữa tính giai cấp và tính dân tộc.* Hệ thống chính trị Việt Nam đại diện cho nhiều giai cấp, tầng lớp nhân dân. Các giai cấp, tầng lớp nhân dân được đại diện bởi các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, đều thừa nhận vai trò lãnh đạo của Đảng mà đội tiên phong là giai cấp công nhân. Do vậy,

hệ thống chính trị nước ta mang bản sắc giai cấp công nhân và tính dân tộc sâu sắc. Sự tồn tại của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với tư cách là thành viên quan trọng của hệ thống chính trị là yếu tố quan trọng tăng cường sự kết hợp giữa giai cấp và dân tộc. Giai cấp công nhân và các giai cấp, tầng lớp xã hội khác từ năm 1930 đến nay gắn bó khăng khít với nhau trong sự nghiệp cách mạng vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

## **2. Thực trạng hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam trong thời kì đổi mới** *- Ưu điểm, thành tựu*

Khó đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được mở rộng, củng cố và tăng cường trong bối cảnh đất nước có nhiều khó khăn, thách thức. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân phát huy ngày càng tốt hơn vai trò tập hợp toàn dân cùng Đảng, Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, quản lí nhà nước, quản lí xã hội. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn có tiến bộ.

Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn trong các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhất là trong lĩnh vực chính trị và kinh tế. Vai trò của pháp luật trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, trong quản lí xã hội ngày càng được đề cao. Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước được xác định rõ hơn và trong tổ chức thực hiện đã có những bước tiến nhất định. Trong sinh hoạt của Quốc hội, việc thảo luận, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, các dự án, công trình trọng điểm quốc gia có chất lượng và thực chất hơn. Cải cách tư pháp được thể chế trong Hiến pháp, pháp luật và được triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt kết quả quan trọng; tổ chức bộ máy của Tòa án Nhân dân, Viện Kiểm sát Nhân dân, cơ quan hỗ trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn; chất lượng hoạt động có tiến bộ, bảo vệ tốt hơn lợi ích của Nhà

nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; hạn chế tình trạng oan, sai.

### **- Hạn chế và những vấn đề đặt ra**

Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ của một số cơ quan, tổ chức chưa thật rõ, còn chồng chéo, trùng lặp... Việc phân công, phân cấp, phân quyền giữa các ngành, các cấp và trong từng cơ quan, tổ chức chưa hợp lý, mạnh mẽ và đồng bộ; còn tình trạng bao biện, làm thay hoặc bỏ sót nhiệm vụ. Cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả chưa cao; việc công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình còn hạn chế. Cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính chuyển biến chậm, không đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu.

Tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chậm đổi mới, một số nhiệm vụ còn trùng lặp, vẫn còn tình trạng "hành chính hóa", "công chức hóa". Cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức giữa các cấp và trong từng cơ quan chưa hợp lý; năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ chuyên trách cấp cơ sở còn hạn chế. Nội dung và phương thức hoạt động có lúc, có nơi chưa thiết thực, hiệu quả, thiếu sâu sát cơ sở. Tổ chức bộ đội quần chúng lập nhiều ở các cấp, nhưng cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động chủ yếu vẫn dựa vào ngân sách nhà nước.

### **3. Đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam trong bối cảnh mới**

#### **- Bối cảnh của thế giới toàn cầu hóa và đất nước sau hơn 30 năm đổi mới**

*Thế giới toàn cầu hóa là một không gian kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị đang ngày càng được nhất thể hóa* dưới sự tác động của quá trình hội nhập quốc tế do đồng dao các quốc gia - dân tộc và các chủ thể quan hệ quốc tế khác triển khai.

Toàn cầu hóa là quá trình liên kết, nhất thể hóa kinh tế, kĩ nghệ, thông tin, xã hội, văn hóa, chính trị trên quy mô toàn thế giới, bắt đầu

diễn ra từ những năm 70 của thế kỉ XX và ngày càng sôi động. Các quốc gia - dân tộc, các tập đoàn kinh tế, các thiết chế an ninh, chính trị, văn hóa, khoa học - kĩ thuật, môi trường, các tổ chức, cá nhân... chủ động tham gia vào quá trình toàn cầu hóa với tốc độ ngày càng mạnh mẽ. Tạo ra quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay. Các chủ thể liên kết đang xây dựng được hệ thống luật quốc tế; khuôn khổ, cơ chế hoạt động quốc tế; các chuẩn giá trị, chuẩn mực chung... để vận hành thị trường kinh tế toàn cầu, điều phối sản xuất chính trị thế giới, phổ biến nhanh chóng và đồng nhất các giá trị văn hóa, tinh thần, các nguồn thông tin... đến toàn bộ cộng đồng quốc tế. Các quốc gia - dân tộc, các đảng cầm quyền và chính phủ của mỗi nước, tuy vẫn còn đầy đủ chức trách, quyền hạn, nhưng đều trở thành bộ phận của các hệ thống, có trách nhiệm tuân thủ các quy định chung.

*Thế giới toàn cầu hóa là công đồng, một xã hội quốc tế được vận hành trên cơ sở nền quản trị toàn cầu, bên cạnh nền quản trị quốc gia.* Quản trị toàn cầu (global governance) là một sản phẩm của lịch sử, có nguyên nhân từ chính sự vận động của nền kinh tế, xã hội, môi trường và chính trị của thế giới trong kỉ nguyên toàn cầu hóa. Xét từ nguyên nhân kinh tế - xã hội, nhiều quá trình và hoạt động kinh tế, nhất là kinh tế tài chính - tiền tệ, đã vượt khỏi năng lực điều hành riêng biệt của chính phủ quốc gia. Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế và cuộc đấu tranh giải quyết các vấn đề xã hội, chống đói nghèo, bệnh tật, khủng hoảng môi trường sinh thái... đặt ra nhu cầu sống còn phải xác lập một cơ chế quản lí hữu hiệu trên quy mô thế giới. Xét từ nguyên nhân chính trị, thế giới toàn cầu hóa đang làm hình thành nền chính trị thế giới (world politic) như một chính thể, không đóng khung trong lợi ích quốc gia, không cho phép sự đồng nhất theo quốc gia trong quá trình xây dựng chương trình nghị sự, trong thiết kế cơ cấu tổ chức và trong hoạt động. Đây chính là cơ sở thực tiễn trực tiếp cho sự ra đời của sự quản lí toàn cầu mà không

cần chính phủ toàn cầu (global governance without global government).

Quản lý toàn cầu khác với quản lý bởi chính phủ quốc gia. Chủ thể sử dụng quyền lực quản lý không nhất thiết phải là chính phủ, mà có thể trở nên rất đa dạng như một thiết chế liên kết khu vực; một hiệp hội quốc tế của các công dân tự nguyện thuộc nhiều quốc gia; hoặc một tập đoàn tư bản xuyên quốc gia... Hiện nay, đã xuất hiện ngày càng nhiều những nhân tố mới, phi nhà nước, phi quan phương như các nhóm lợi ích, cộng đồng tôn giáo, sắc tộc, hiệp hội chuyên môn, nghề nghiệp, tổ chức từ thiện, mạng công dân... Cơ sở và tính chất của quyền lực quản lý toàn cầu không mang tính mệnh lệnh pháp quy, có sức mạnh cưỡng chế mà đều mang tính đồng thuận, thống nhất và tự nguyện. Chiều hướng vận hành của quyền lực quản lý toàn cầu không thuần túy theo chiều từ trên xuống dưới, mà đa nguyên, đa chiều, trong đó phổ biến là theo chiều ngang. Hoạt động quản lý không còn là một quá trình ban bố mệnh lệnh, chế định chính sách đơn hướng, mà là một quá trình tác động qua lại giữa các chủ thể. Phạm vi quản lý toàn cầu vượt ra khỏi khuôn khổ lãnh thổ quốc gia, vừa có thể là một không gian bao gồm bộ phận của lãnh thổ nhiều quốc gia; vừa có thể là một không gian bao gồm toàn bộ lãnh thổ của nhiều quốc gia; hoặc toàn bộ lãnh thổ thế giới.

*Đất nước Việt Nam sau hơn 30 năm đổi mới từ năm 1986 đến nay đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Tính từ năm 1986 đến năm 2018: tăng trưởng bình quân đạt 6,63%/năm; GDP tăng từ 14 tỉ lên 245 tỉ USD; tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2018 đạt trên 482 tỉ USD, gần gấp đôi GDP; thu nhập bình quân đầu người tăng từ 230 USD lên xấp xỉ 2.600 USD/năm; tỉ lệ*

hộ nghèo giảm từ 60% còn 6,8%; khoảng cách GDP/người/năm thu hẹp: với Singapore từ 125 xuống còn 24 lần; Thái Lan từ 16 xuống còn 2,5 lần; Nhật Bản từ 267 xuống còn 16 lần...

Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường. Văn hóa - xã hội có bước phát triển, bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, nhiều hạn chế, yếu kém cần phải tập trung giải quyết, khắc phục để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ. Tham nhũng, lãng phí diễn biến phức tạp. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân có mặt bị giảm sút.

**- Định hướng đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam**

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/01/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII xác định mục tiêu: "Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với

thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân". Để thực hiện thành công mục tiêu quan trọng này, cần triển khai các phương hướng đổi mới hệ thống chính trị Việt Nam:

*Một là*, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng, trước hết là năng lực định hướng chính trị, hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách. Xác định và phân ranh giới rõ nội dung, phạm vi lãnh đạo của Đảng. Khắc phục sự chồng chéo, lẫn lộn, ôm đồm, bao biện và tình trạng buông lỏng trong lãnh đạo, quản lý.

Rà soát, sắp xếp lại các tổ chức, cơ quan đơn vị, kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Nhà nước không thành lập và đồng thời giải thể những cơ quan, đơn vị làm công việc mà xã hội đảm đương được. Nghiên cứu thực hiện thí điểm hợp nhất một số cơ quan Đảng và Nhà nước tương đồng về chức năng, nhiệm vụ. Xây dựng và hoàn thiện quy chế kiểm soát quyền lực và trách nhiệm của người đứng đầu.

*Hai là*, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đây là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Xây dựng Nhà nước pháp quyền phải tiến hành đồng bộ cả ba bộ phận lập pháp, hành pháp và tư pháp, cả chính quyền Trung ương và cả chính quyền địa phương. Luật hóa, quy chế hóa vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của các thành tố cấu thành hệ thống chính trị cũng như các quan hệ giữa các thành tố cấu thành hệ thống chính trị, bảo đảm mọi hoạt động của hệ thống chính trị trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa sự lạm quyền, vi phạm kỉ luật, ki cương. Tiếp tục tiến hành cải cách

hành chính đồng bộ, trong đó tập trung quyết liệt cải cách thủ tục hành chính; đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính phủ, chính quyền điện tử.

*Ba là*, tăng cường dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền dân chủ thực sự của nhân dân. Xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội thực sự là cơ sở chính trị của Đảng và chính quyền nhân dân. Thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, gắn quyền với trách nhiệm nghĩa vụ, đề cao đạo đức xã hội. Tiếp tục làm rõ cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước thông qua các cơ sở pháp lý cụ thể. Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các luật về tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cho phù hợp với các quy định mới của Hiến pháp, thiết lập mối quan hệ phù hợp với các cơ quan nhà nước để bảo đảm phát huy sức mạnh, mục tiêu, ý nghĩa của từng tổ chức trong việc tham gia xây dựng nhà nước và bảo vệ lợi ích hợp pháp, phát huy dân chủ cho các thành viên. Xây dựng cơ chế giám sát của nhân dân đối với quyền lực nhà nước; đổi mới sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong hoạt động quản lý Nhà nước và xã hội.

*Bốn là*, đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, những biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, làm trong sạch nội bộ Đảng và các cơ quan công quyền. Hoàn thiện thể chế pháp luật, chính sách quản lý kinh tế-xã hội trên các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu lực quản lý và tích cực phòng ngừa, ngăn chặn, hướng tới loại bỏ những điều kiện, cơ hội nảy sinh tham nhũng. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử các hành vi tham nhũng. Nghiên cứu tổ chức Ủy ban phòng, chống tham nhũng quốc gia độc lập, do Quốc hội thành lập. □